

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 13
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số 30/2026/DS-ST
Ngày 28/4/2026
Về: “*Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Thanh Trúc

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Huỳnh Minh

2. Bà Huỳnh Ngọc Dung

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Quốc Tín, thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Đất, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Huyền – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 13, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 223/2026/TLST DS ngày 05 tháng 3 năm 2026, về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2026/QDXX - ST ngày 07-4-2026; Quyết định hoãn phiên tòa số: 56/2026/QĐ-ST ngày 23-4-2026, giữa các bên:

- *Nguyên đơn:* Ông Võ T, sinh năm 1972; địa chỉ: F, Tổ A, ấp P, xã L, thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Ngọc L, sinh năm 1970, bà Phan Thị Bích N, sinh năm 1970; địa chỉ: K, Tổ A, ấp P, xã L, thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt lần 2 không lý do.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Võ Thiên N1, sinh ngày 21/9/1993;

2. Ông Võ Trung T1, sinh ngày 10/4/1997;

3. Ông Võ Trung K, sinh ngày 29/5/2003

Cùng địa chỉ: Số nhà F, Tổ A, Ấp P, xã L, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Ông Nguyễn O, sinh năm 1947; địa chỉ: Số Q, Tổ F, Ấp P, xã L, thành phố Hồ Chí Minh.

Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 18 tháng 12 năm 2025 và quá trình tố tụng tại Tòa, ông Võ T trình bày:

Nguyên vào ngày 03/05/2009, ông T bà L1 có cho vợ chồng anh Nguyễn Ngọc L và chị Phan Thị Bích N mượn số vàng nhẫn 9999 là 15 chỉ vàng (1,5 cây vàng). Nay bà Nguyễn Thị L1 (vợ ông T mất), gia đình lâm vào cảnh thiếu thốn, nợ nần. Ông T có đến đòi vợ chồng anh L chị N 03 lần để lấy lại số vàng đã cho mượn mà vợ chồng anh Nguyễn Ngọc L và chị Phan Thị Bích N không chịu trả. Tại Tòa ông T yêu cầu:

Buộc ông Nguyễn Ngọc L và bà Phan Thị Bích N trả lại cho ông T số vàng đã mượn, tổng là 15 chỉ vàng nhẫn 4 số 9999 (1,5 cây vàng 24K). Ông T không yêu cầu ông L bà N trả lãi suất.

Quá trình tham gia tố tụng bị đơn bà N xác nhận: Ông Võ T là em rể của ông Nguyễn Ngọc L là anh ruột của bà Nguyễn Thị L1 (vợ ông T). Vào khoảng năm 2009, bà Nguyễn Thị L1 (vợ ông T) có đem xuống nhà của gia đình vợ chồng ông L bà N tại P đưa cho bà N nhận 1 cây 5 chỉ vàng 24K 9 tuổi 7, khi bà L1 đưa tiền bà N nhận giữa 2 bên không lập biên bản giao nhận và việc bà N ông L mượn vàng của L1 cũng không lập giấy mượn hay vay. Nội dung sự việc đề mà L1 đưa vàng cho bà N ông L vay cụ thể như sau:

Vợ chồng bà N ông L có cặp ghe đánh bắt hải sản vợ chồng bà L1 là người đi mua, theo việc mua bán hải sản ở P thì người mua phải ứng trước khoảng tiền để chủ ghe mới bán hải sản cho người mua. Do đó, bà L1 mới đưa vàng cho bà N ông L như nói trên. Bà L1 mua mực và cá nên khi bà L1 giao vàng thì vợ chồng bà N đánh bắt cá và mực đều bán cho bà L1 hết và không bán cho người khác. Việc mua bán giữa 2 bên diễn ra từ khoảng năm 2009 đến năm 2011 thì cặp ghe bị Đài Loan bắt nên mất toàn bộ. Năm 2011, khi vợ chồng ông L bà N bị mất cặp ghe vợ chồng có đến nhà xin bà L1 không trả số vàng bà L1 giao để được mua cá, bà L1 có nói ai sao anh chị vậy. Bà L1 không nói là cho hoặc không trả chỉ nói ai sao chị vậy. Lý do bà L1 nói câu nói (ai sao chị vậy?): Ở Phước Tỉnh khi chủ ghe bị nước ngoài bắt và mất ghe thì chủ ghe không trả khoản tiền người mua hải sản ứng trước. Thời gian bà L1 mua cá, mực của vợ chồng bà N cân bao nhiêu thì tính tiền bấy nhiêu tại thời điểm mua bán không trừ số vàng đã đưa trước. Bà N thấy việc bà L1 đưa tiền cho bà N ông L không có ký nhận giấy tờ và bà N có mua bán với bà L1 và khi bà N đến nhà xin bà L1 không trả tiền cũng không gặp mặt ông T. Nếu bà L1 không cho thì bà L1 phải đòi từ trước khi chết chứ không để đến hôm nay chồng bà ấy đòi trả vàng. Bà N ông L hiện tại khó khăn, ông L làm công nhân nên không có khoản nào để trả. Do đó, ông L bà N không chấp nhận trả.

Các con ông T xác nhận: Em Võ Thiên N1, Võ Trung T1 và Võ Trung K là con ruột của ông Võ T bà Nguyễn Thị L1, bà L1 chết ngày 09/12/2024. Ngoài 03 người con nêu trên ông T bà L1 không có con nuôi hay con riêng. Ông Nguyễn Ngọc L là anh ruột của mẹ và là cậu ruột của chúng tôi. Bà N là vợ ông L và là mợ dâu. Việc quan hệ làm ăn của cha mẹ và cho vay vàng chúng tôi không biết. Đến khoảng năm 2023, trước khi chết mẹ có dặn việc làm ăn của mẹ, mẹ có ghi trong cuốn sổ những người ba mẹ nợ và những người nợ ba mẹ để chúng tôi trả nợ và đòi nợ thì lúc đó chúng tôi mới biết. Sau khi xem sổ sách thì biết được cậu mợ có vay của ba mẹ 01 cây rưỡi vàng 24K 4 số I. Trường hợp

yêu cầu của ông T đòi nợ bà N ông L được Tòa chấp nhận các em N1, T1 và K đề nghị Tòa giao hết cho ông T các em không yêu cầu chia và nhận số vàng này.

Ông Nguyễn O xác nhận: Ông là cha ruột ông Nguyễn Văn L2 (chồng bà Phan Thị Bích N) và bà Nguyễn Thị L1 (vợ ông Võ T). Vợ ông O là bà Hồ Thị T2, sinh ngày 20/7/1955 (chết ngày 29/8/2022). Việc ông T yêu cầu bà N ông L2 trả số vàng 15 chỉ 24K ông O có biết. Trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu của ông T ông không yêu cầu chia số vàng này.

Từ khi Toà án thụ lý vụ án, đã nhiều lần triệu tập ông Nguyễn Văn L2 đến Toà giải quyết về số nợ ông T yêu cầu vợ chồng ông phải trả nhưng ông L2 vắng mặt không có lý do nên không xác định rõ yêu cầu.

- Tại phiên toà Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

+ Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán và nguyên đơn tuân theo quy định của pháp luật. Bị đơn không tuân theo quy định của pháp luật.

+ Tại phiên xét xử, Hội đồng xét xử, thư ký và nguyên đơn tuân theo quy định của pháp luật. Bị đơn vắng mặt đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà và ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Võ T khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Văn L2 và bà Phan Thị Bích N trả tiền nợ gốc theo giấy vay tiền ngày 03/5/2009 (Bút lục 10/TA) nên xác định quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Ông L2 bà N hiện đang sinh sống tại xã L, Thành phố Hồ Chí Minh thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 13, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà Phan Thị Bích N ông Nguyễn Văn L2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Ông Nguyễn O các em Võ Thiên N1, Võ Trung K và Võ Trung T1 có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Tại bút lục số 10/TA thì nội dung thể hiện: “Ngày 03/5/2009 âm lịch tức ngày 26/5/2009, chị N anh L2 còn thiếu 1 cây 5 chỉ vàng”. Theo xác nhận của bà N tại biên bản lấy lời khai và hòa giải ngày 20/3/2026 thì: Bà L1 là người đem 15 chỉ vàng nhẫn 9 tuổi 7 đến tại nhà ông L2 bà N tại P giao cho bà N. Cho thấy việc giao vàng giữa 2 bên là có thật. Tuy nhiên, việc bà L1 ghi không rõ vàng nhẫn 24K 4 số 9999 như ông T và các các bà L1 xác nhận hay theo như xác nhận của bà N vàng nhẫn 24K 9 tuổi 7 và việc giao nhận giữa 2 bên lại không lập biên bản nên không xác định được vàng 24K 4 số 9999 hay vàng nhẫn 24K 9 tuổi 7. Tại phiên tòa hôm nay, ông T đồng ý và chấp nhận yêu cầu bà N ông L2 phải trả vàng theo bà N xác nhận vàng nhẫn

24K 9 tuổi 7 cho ông. Việc ông T đồng ý vàng nhẫn 24K 9 tuổi 7 là có lợi cho bà N ông L2 nên chấp nhận theo yêu cầu của ông T.

Ông L2 không có mặt tại Tòa nhưng theo bà N thì việc bà L1 giao vàng là tiền ứng cho chủ ghe để được mua cá, mực khi đánh bắt được. Sự việc mua bán giữa ông L2 bà N với ông T bà L1 diễn ra thời gian 03 năm (năm 2009 – năm 2011), cặp ghe đôi ông L2 đánh bắt hải sản mới bị Đài Loan bắt là tài sản chung của ông L2 bà N. Thời gian mua bán cá, mực ông L2 có biết cũng như khi cần cá, mực lại không cần trừ cho số vàng bà L1 ứng trước nên xác định đây là số nợ chung của ông L2 bà N. Do đó, buộc ông L2 có trách nhiệm trả nợ cùng bà N là phù hợp.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bà N ông L2 phải nộp 12.563.500 đồng.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35. Điều 39, khoản 3 Điều 228, của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 91, 92, 94, 95 và 96 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463; Điều 466 và Điều 470 Bộ luật dân sự. Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ T đối với ông Nguyễn Ngọc L bà Phan Thị Bích N.

Buộc ông Nguyễn Ngọc L bà Phan Thị Bích N phải trả cho ông Võ T 15 (Mười lăm) chỉ vàng 24K 9 tuổi 7 (97%).

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Ngọc L bà Phan Thị Bích N phải nộp 12.563.500đ (Mười hai triệu năm trăm sáu mươi ba ngàn năm trăm đồng).

- Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm. Riêng đương sự vắng mặt quyền kháng cáo tính từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết công khai.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 6a, 7, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Tp Hồ Chí Minh
- Viện kiểm sát ND khu vực 13, Tp . HCM
- Phòng thi hành án khu vực 13, Tp . HCM
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ vụ án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Võ Thị Thanh Trúc

